TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2020.
V/v: " Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Đấu.
Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

Thư ký phiên tòa: bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 646/2019/TLST – HNGĐ ngày: 06/12/2019, về việc: " Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày: 05/3/2020, Quyết định hoãn phiên toà số : /2020/QĐST-HNGĐ ngày: 25/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: BBN, sinh năm: 1993 – (Có mặt).
Hộ khẩu thường trú: ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chỗ ở hiện nay : Khu phố VH, P. PM, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: LMP, sinh năm: 1989 – (Vắng mặt).
Hộ khẩu thường trú: tổ 2, ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2019, bản khai, biên bản hoà giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Nguyên đơn chị BBN trình bày: Chị N chung sống với anh P vào năm 2011, nhưng đến tháng 8/2012 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau.

Vì vậy, từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung với nhau là: LNPT, sinh ngày: 08/01/2012 ; LNPT, sinh ngày: 21/5/2013 và LHT, sinh ngày: 31/7/2016. Hiện nay đang sống cùng với chị N, nếu ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên toà hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh P, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung : không có.

Anh LMP đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay anh P vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập của Toà án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Yêu cầu của chị N là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN XÉT CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: chị BBN khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị N ly hôn với anh LMP và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đây là tranh chấp về yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ (Bút lục số: 28), anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, áp dụng Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh P.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị N và anh P là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 04) nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị N trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau.

Vì vậy, từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế. Điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương là: " … Chị N không còn sống chung nhà với anh P …" (Bút lục số: 28A). Điều đó chứng tỏ giữa chị N và anh P không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Trên thực tế thì anh chị không còn duy trì cuộc sống hôn nhân với nhau nữa. Do đó, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị N. Về hôn nhân chị N được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Có 03 con chung là: LNPT, sinh ngày: 08/01/2012 ; LNPT, sinh ngày: 21/5/2013 và LHT, sinh ngày: 31/7/2016. Hiện nay đang sống cùng với

chị N, nếu ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Anh P không có mặt nên không thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình có muốn nuôi con hay không. Mặt khác, từ trước đến nay chị N nuôi dưỡng cả 03 con chung, nếu giao các cháu cho anh P nuôi dưỡng sẽ làm xáo trộn nếp sống, sinh hoạt bình thường của các cháu. Việc chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T (Bút lục số: 27). Do đó, giao cả 03 con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cả 03 con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, nhưng anh P không có mặt nên không kiểm chứng được lời trình bày của chị N có đúng hay không. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị N phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị BBN đối với anh LMP.

[1] Về hôn nhân: Chị BBN được ly hôn với anh LMP.

[2] Về con chung: Có 03 con chung là: LNPT, sinh ngày: 08/01/2012 ; LNPT, sinh ngày: 21/5/2013 và LHT, sinh ngày: 31/7/2016. Hiện nay đang sống cùng với chị N.

Chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: chị N phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị N đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0001544 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Chị N đã nộp đủ án phí.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn

Nơi nhận.
- *TAND tỉnh BR – VT.*
- *VKSND huyện XM.*
- *Chi cục THADS huyện XM.*
- *UBND xã XM.*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu.*